

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **56/2021/DS-ST**
Ngày: **11/6/2021**
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng
2. Ông Nguyễn Văn Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Anh- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Ông Trần Bảo Quốc- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 283/2020/TLST-DS ngày 16/12/2020 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐST- DS ngày 20/5/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty T**. Địa chỉ: Tầng 2 Tòa Nhà Ree Tower, Số 9 đường B, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện ủy quyền: Bà **Tô Thị Mộng V**; sinh năm: 1992. Địa chỉ: A8-28 Đường H Khu dân cư N, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 09/12/2020). Có mặt.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích C**; sinh năm: 1983. Địa chỉ: 004A Khu vực 1, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn là Công ty T trình bày:

Ngày **04/7/2017**, bà Nguyễn Thị Bích C có ký Hợp đồng tín dụng số 20170704-0006602 với Công ty T vay số tiền **52.529.570đ**; hình thức vay: tín chấp; mục đích tiêu dùng; thời hạn vay 24 tháng (từ ngày giải ngân 06/7/2017 đến 06/7/2019); lãi suất trong hạn 2,92%/tháng; phương thức thanh toán: trả gốc và lãi định kỳ vào ngày 06 hàng tháng, với số tiền gốc và lãi là **3.074.000đ/kỳ**.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn đã giải ngân qua tài khoản của khách hàng và khách hàng nhận tiền vay tại bưu điện. Số tiền vay là **52.529.570đ**; do là bà C trả nợ hợp đồng trước của bà C là **17.091.062đ** nên số tiền còn lại bà C nhận trong hợp đồng tín dụng này là **32.700.000đ**. Tính đến ngày 16/02/2019, Bà C đã thanh toán được 19 kỳ, tổng cộng tiền vốn gốc là 38.419.237đ và lãi là 20.214.763đ; còn nợ lại tiền vốn gốc là 14.110.337đ + lãi 1.030.228đ; tổng cộng: **15.140.565đ**.

Do bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của Hợp đồng nên nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà C phải thanh toán các khoản nợ cho nguyên đơn, cụ thể:

Vốn gốc là 14.110.337đ + lãi 1.030.228đ; tổng cộng: **15.140.565đ** và lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Bộ luật Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích C vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà C thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và đã nhận tiền vay như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, bà đã thanh toán được tổng cộng 20 lần nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên nay bà cũng đồng ý trả số tiền còn nợ **15.140.565đ** cho nguyên đơn nhưng xin thời hạn đến ngày **30/9/2021** sẽ trả đủ. Nếu nguyên đơn không đồng ý thì bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ **14.110.337đ** vào ngày **15/7/2021** cho nguyên đơn. Còn nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và không đồng ý cho bị đơn chậm trả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, còn các thủ tục khác là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Do bà C là người ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn, đã nhận tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà C phải trả nợ còn thiếu là có cơ sở. Do yêu cầu chậm trả của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận nên căn cứ vào Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn thiếu 14.110.337đ + lãi 1.030.228đ; tổng cộng: **15.140.565đ**, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh đến thời điểm xét xử, chỉ yêu cầu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất chậm trả của Bộ luật Dân sự là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật*: đây là vụ kiện tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích C phải trả cho nguyên đơn*: Vốn gốc là 14.110.337đ + lãi 1.030.228đ; tổng cộng: **15.140.565đ** và lãi chậm trả giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất chậm trả theo của Bộ luật Dân sự quy định; Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày **04/7/2017**, bà Nguyễn Thị Bích C có ký ký Hợp đồng tín dụng số **20170704-0006602** vay của Công ty T số tiền **52.529.574đ**, thời hạn 24 tháng, thỏa thuận trả vốn gốc và lãi định kỳ vào ngày 06 hàng tháng. Do bà C đã nhận tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bên vay phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gồm cả vốn gốc và lãi còn nợ là có cơ sở. Vì vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị Bích C phải thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn là:

- *Nợ gốc*: 14.110.337đ;
- *Lãi*: 1.030.228đ;
- *Tổng cộng*: **15.140.565đ** (Mười lăm triệu một trăm bốn mươi ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

Xét thấy, nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất của Bộ luật dân sự quy định; Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Đối với việc bị đơn yêu cầu đến ngày **30/9/2021** sẽ trả đủ số tiền nợ **15.140.565đ** hoặc đến ngày **15/7/2021** sẽ trả số tiền **14.110.337đ**; Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên việc bị đơn yêu cầu chậm trả là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà C phải chịu (**15.140.565đ** x 5%) = **757.000đ** án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 91, 95, 98, 108 Luật Các tổ chức tín dụng.
- Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích C phải trả cho Công ty T số tiền: **15.140.565đ** (*Mười lăm triệu một trăm bốn mươi ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng*) (trong đó: nợ gốc 14.110.337đ + lãi 1.030.228đ).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Bích C còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu **757.000đ** (*Bảy trăm năm mươi bảy ngàn đồng*) tiền án phí.

Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp **379.000đ** theo biên lai số 006567 ngày 09/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, Cần Thơ.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang

